



Giải pháp nâng cao năng lực hấp thụ vốn của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay

TS. NGUYỄN ĐẠI LAI

Năng lực hấp thụ vốn của doanh nghiệp Việt Nam đang trong tình trạng báo động. Theo số liệu, 6 tháng đầu năm số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh lên tới 26.324 doanh nghiệp, chiếm khoảng 5,3% tổng doanh nghiệp đang hoạt động và tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó, đáng chú ý nhất là số doanh nghiệp giải thể tăng tới 35,4%. Tình hình kinh tế khó khăn cũng được phản ánh khá rõ nét qua việc số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 6 tháng giảm 12,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Báo cáo kinh tế Việt Nam 2012 của Ủy ban Kinh tế Quốc hội phối hợp với UNDP cũng đã lần đầu tiên ghi nhận thực tế: "người dân và doanh nghiệp Việt Nam đang phải gánh mức thuế, phí cao nhất trong khu vực".

Tổng Cục thống kê cho biết: 31,7% trong số doanh nghiệp được khảo sát cho biết dự kiến thu hẹp sản xuất kinh doanh, 13% giảm quy mô lao động, 10% cắt giảm vốn và có tới 25,5% lường trước giảm doanh thu, 27,9% giảm lợi nhuận. Tổng cục Thống kê nhận định, với mức tăng trưởng như hiện nay, để đạt mục

tiêu tăng GDP 6 - 6,5% cho cả năm 2012, GDP phải tăng 7,28 - 8,18% trong những tháng còn lại. Tuy nhiên, đó là khả năng bất khả hiện thực. Trong bối cảnh lạm phát liên tục những năm qua (2008, 2010, 2011) đã làm cho tiến bộ phải đi vào hàng hoá chỉ đơn giản để làm phương tiện thanh toán (do giá tăng) thay vì đi vào ngân hàng để đầu tư cho sản xuất, tạo ra hiện tượng "tiền nhiều vốn ít", làm cho thanh khoản trong các ngân hàng luôn căng thẳng và căng thẳng càng gia tăng bởi kèm với tăng lạm phát thì nợ xấu cũng đã không ngừng tăng lên. Trong những năm lạm phát vừa qua, muốn có vốn hoạt động, không có cách nào khác, nền kinh tế đã phải đi qua đồng thời cả 3 và/hoặc một số trong 3 kênh là: giảm lạm phát (tức là phải tăng giá vốn), tăng tiền gửi và tăng tái cấp vốn (MB). Điều này khẳng định lạm phát đã là nguyên nhân rất lớn gây nên tình trạng tăng lãi suất. Đến lượt nó lãi suất tăng đã là hòn đá tảng cho sự tiếp cận của doanh nghiệp với ngân hàng (lạm phát theo năm: 2007:12,7%; 2008:18,98%; 2009: 6,88%; 2010:11,75%; 2011:18,12%, cao hơn lạm phát bình quân cùng thời kỳ của

các nước trong khu vực từ 2 đến 4 lần). Tình trạng này nếu không được nhận dạng và có giải pháp thỏa đáng bằng cách có chính sách tác động vào tổng cung, tổng cầu để dẫn dắt và tôn trọng qui luật thị trường, thì sẽ dẫn đến một trong hai thái cực tiêu cực rất nguy hiểm không thua kém nhau. Hoặc là "vung tay" nơi lỏng tiền tệ quá mức dẫn đến nguy cơ lạm phát siêu mã làm cho "tiền đẻ hàng" mà đẻ ra hàng thì luôn luôn khó hơn đẻ ra tiền; hoặc là tiếp tục bóp chặt gây ra giảm phát làm cho nền kinh tế không tạo ra được giá trị mới, sản phẩm dờ dang và tồn kho lớn do thu nhập thấp, "sức mua yếu, người lao động không có tiền, thất nghiệp cao và xã hội rối loạn. Giảm phát cũng là hiện tượng đã có dấu hiệu xảy ra vào quý III/2009. Hình ảnh này hiện nay đang lặp lại trong nền kinh tế, nếu không nhận dạng tốt và có các giải pháp tôn trọng cơ chế thị trường thì sẽ dễ có thể có dấu hiệu xảy ra vào quý 3 hay quý 4 năm 2012. Một trong những điểm nút cần tháo gỡ trong 6 tháng cuối năm 2012 chính là tắc nghẽn trong lưu chuyển tiền tệ. Đến 20/8/2012, lượng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng có mức tăng khá mạnh,

tới 10,26% thì dư nợ tín dụng tính đến cùng thời điểm chỉ nhích thêm 1,4% so với cuối năm 2011. Rõ ràng, cần phải xem lại luồng tiền đi vào bên tài sản có của các TCTD như thế nào: vào tín dụng bao nhiêu, vào đầu tư tài sản tài chính bao nhiêu và đặc biệt là "khoản phải thu khác" là bao nhiêu? Ngoài ra, với lượng tiền chảy vào sản xuất nhỏ nhoi ấy lại đang bị thao túng bởi các quan hệ sở hữu chéo, vô cùng chặt chẽ. Theo VEF ngày 11/9/2012, sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng Việt Nam có nhiều hình thức. Trong đó, đáng kể nhất là hình thức ngân hàng thương mại (NHTM) có cổ đông lớn là các doanh nghiệp. Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành, các ngân hàng không được cho các cổ đông của mình vay vốn, nhưng để lách luật thì không khó. Các ngân hàng có thể cho các công ty con của các doanh nghiệp này vay vốn. Như vậy, có thể thấy rất rõ, đang có sự chống chéo rất lớn trong sở hữu giữa các ngân hàng, mà phức tạp nhất là giữa ngân hàng với hàng loạt các doanh nghiệp theo kiểu công ty con, công ty liên kết... Theo Diễn đàn kinh tế VN 12/9, bài: "DN "sân sau": Khôi rủi ro đe dọa các ngân hàng" cho biết: Việc NHTM thành lập DN "sân sau" để qua đó rút vốn từ ngân hàng về nhằm thực hiện các mục đích kinh doanh riêng là hiện tượng đáng cảnh báo. Theo đó, không ít DN "sân sau" thời gian qua còn tham gia với các ông chủ ngân hàng có quyền điều hành hay chỉ phối các quyết định của TCTD để có lợi cho mình, gây tiềm ẩn rủi ro cho TCTD. Nếu kỳ vọng dư nợ tín dụng đến cuối năm tăng khoảng 8% đến 10% cũng là rất khó khả thi, vì quý thời gian chỉ còn không đầy 4 tháng mà dư nợ đến hết tháng 8 vẫn chỉ tăng chưa tới 1,5% so với đầu năm. Trong khi 1% tổng dư nợ hiện nay là khoảng 27.500 tỷ đồng, nếu mỗi tháng tăng 2% dư nợ, tương đương khoảng 55.000 tỷ đồng (chưa kể số tiền đáo hạn nợ thu về trả cho người gửi sẽ đầu tư qua nhiều kênh khác) và đầu tư từ Ngân sách Nhà nước đã được khẳng định con số 22.000 tỷ đồng, đưa tổng đầu tư tín dụng chính ngạch lên đến 77.000 tỷ đồng/tháng là khó có thể hấp thụ nổi, trừ khi chuyển rất mạnh sang cho vay tiêu dùng và chấp

nhận có thể đẩy lạm phát quay trở lại và cũng đồng nghĩa với việc chấp nhận cho gia tăng nợ xấu!

Năng lực hấp thụ vốn suy giảm

Thực tế, năng lực hấp thụ vốn thực của rất nhiều doanh nghiệp sản xuất đã rất kém: vốn cũ chưa trả hết, vốn mới không đủ điều kiện tiếp cận, nhiều doanh nghiệp không có thị trường đầu ra để tiếp tục tăng kho hàng hóa vốn dĩ đã ứ thừa (nhất là hàng BDS). Trong gần 500 DN niêm yết trên các sàn CK, trong báo cáo kết quả kinh doanh quý 1, có 13% DN lỗ, 54% giảm lợi nhuận so cùng kỳ, hệ số tổng nợ/vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ bình quân 1,5 xuống còn 1,27... nghĩa là, nhiều doanh nghiệp đã giảm năng lực hấp thụ vốn. Tình trạng huy động vốn tăng nhưng lãng phí vẫn "đậm đặc tại chỗ", chứng tỏ vốn vẫn dùng vào đào nợ và chạy lòng vòng trong thị trường tài chính. Thống kê trong 5 năm trở lại đây, mức tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng lần lượt là: năm 2007 tăng: 51%, năm 2008: 30%, năm 2009: 37%, năm 2011: 12%. Trong khi năm 2012 tính đến ngày 20/8/2012, tín dụng của hệ thống ngân hàng mới tăng 1,4% so với 31/12/2011. Điều này chỉ ra 2 vấn đề cần lưu ý: i) Phần lớn tín dụng bơm ra trong 8 tháng qua chủ yếu để người vay trả nợ cũ và/hoặc để đào nợ, làm cho tổng dư nợ vẫn "đậm đặc" xung quanh mức cũ, nhưng cũng đã khá cao: khoảng 125% GDP; ii) Sức ỳ của nền kinh tế biểu hiện rõ qua năng lực hấp thụ vốn rất yếu của doanh nghiệp. Chứng tỏ đối với thị trường hàng hóa, dịch vụ: cung đang lớn hơn cầu, tức là sức mua rất yếu; Đối với thị trường vốn cũng có tình trạng ứ đọng, không tìm được nhiều khách hàng đủ điều kiện hấp thụ vốn mới hiệu quả và an toàn để bán vốn. Như vậy cả nền kinh tế đang trong trạng thái tổng quát: "thừa vốn, thừa

hàng và thiếu tiền" tương đối. Sự suy giảm của nền kinh tế do đó đã và đang bộc lộ rất rõ. Doanh nghiệp lao đao thì ngân hàng cũng không thể sống yên lành. Cả ngành ngân hàng hiện đang tích cực tìm khách hàng và hạ lãi suất để bơm vốn, cứu doanh nghiệp, cũng là để tự cứu mình. Lãi suất các khoản vay mới, kể cả các khoản vay cũ đang giảm xuống một cách khách quan theo đà giảm lạm phát và theo sức ép bởi sự trì trệ của nền kinh tế. Lãi suất cho vay bình quân toàn thị trường tín dụng có thể sẽ tiếp tục giảm xuống dưới mức "9+2,5"/năm và tới "8+2,5"/năm. Tức là xuống mức giới

hạn bởi lãi suất huy động và chi phí hợp lý của hoạt động tín dụng ngân hàng. Theo số liệu đến ngày 30/8/2012, tổng hợp của 69 TCTD, chiếm 90% thị phần tín dụng, thì dư nợ cho vay bằng VND có: Mức lãi suất dưới 10% chiếm tỷ trọng 5,4%; Mức lãi suất từ 10%/năm đến 13%/năm chiếm tỷ trọng 20,1%; Mức

lãi suất trên 13%/năm đến 15%/năm chiếm tỷ trọng 49,7%; Mức lãi suất trên 15%/năm chiếm tỷ trọng 22,7%, giảm khoảng 71% so với tỷ trọng trước ngày 15/7/2012 và giảm thêm 1,9% so với ngày 16/8/2012). Trong đó, lãi suất giảm mạnh nhất ở nhóm 5 NHTM NN (có tỷ trọng dư nợ cho vay ở mức lãi suất trên 15%/năm chỉ còn là 5,8%), giảm khoảng 91% so với trước ngày 15/7/2012. Trong các kênh đầu tư từ đầu năm tới nay (vàng, ngoại tệ, CK, BDS, VND), thì VND và gần đây là vàng có vẻ như là 2 kênh có sức hút hơn cả. Điều đó cho thấy trong bối cảnh kinh tế trì trệ, vương nhiều chính sách độc quyền như hiện nay thì nắm giữ tiền và vàng vẫn được nhiều người lựa chọn. Ngoài ra, việc tỷ giá neo ổn định, lạm phát được kiểm chế quá liều lượng kéo dài và lãi suất VND chênh lệch khá lớn so với lãi suất ngoại tệ đã khiến cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư và

Thực tế, năng lực hấp thụ vốn thực của rất nhiều doanh nghiệp sản xuất đã rất kém: vốn cũ chưa trả hết, vốn mới không đủ điều kiện tiếp cận, nhiều doanh nghiệp không có thị trường đầu ra để tiếp tục tăng kho hàng hóa vốn dĩ đã ứ thừa (nhất là hàng BDS).

người dân lựa chọn nắm giữ tài sản nội tệ để "cầm cự" cũng góp phần làm trì trệ hóa nền kinh tế.

Trong thực tế, thời gian gần đây theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH-ĐT) ngày 31/7, chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với cùng kỳ năm trước đã giảm dần từ mức 34,9% tại thời điểm 1/3/2012, xuống 29,4% (thời điểm 1/5) và 21% (1/7). Chỉ số này đã giảm liên tiếp trong vòng 3 tháng qua nhưng vẫn cao hơn rất nhiều so với con số 19,3% của giai đoạn những tháng cuối năm 2011. Theo đó, hiện nay, tồn kho cao nhất ở một số ngành công nghiệp chế biến như: ngành chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản tăng 39,4%; ngành sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 33,3%; ngành sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 74,4%; ngành sản xuất sản phẩm từ plastic tăng 61,5%; ngành sản xuất xi măng tăng 49,2%; ngành sản xuất sắt, thép, gang tăng 20,8%; ngành sản xuất linh kiện điện tử tăng 53,8%; ngành sản xuất thiết bị truyền thông tăng 98,5%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 9,4%... việc chồng lăm phát vừa qua tỏ ra thắng lợi, nhưng lạm phát tăng trưởng âm trong 2 tháng 6 và 7 là điều không bình thường, bởi lẽ ra theo quy luật, nếu có lạm phát tăng âm thì thường rơi vào các tháng 3, 4 và/hoặc 5, còn tháng 6 và 7 bao giờ cũng là những tháng "sung sức" phản ánh xu hướng doanh thu của các

tháng nửa cuối năm kế hoạch. Sự không bình thường này khẳng định xu hướng giảm sút của tổng cầu có khả năng thanh toán của sức tiêu thụ cả ở trong và ngoài nước của nền kinh tế. Chính vì vậy, gần đây dù hàng loạt NHTM đã tung ra những chương trình tín dụng với lãi suất giảm cực mạnh, vẫn không làm gia tăng được tín dụng một cách đáng kể và an toàn theo kỳ vọng. Cạnh tranh trong cho vay giữa các NHTM vì thế trở nên khốc liệt hơn. Trong tháng 8, khi NHNN chấp thuận nới hạn mức tăng trưởng tín dụng lên 25-30% cho nhiều NHTM thì đồng loạt các NHTM đã đưa ra các chương trình tín dụng với lãi suất cực rẻ, như: từ tháng 9, HDBank triển khai chương trình cho vay khách hàng cá nhân lãi suất thấp nhất 8,6%/năm và doanh nghiệp 9%/năm với tổng hạn mức hơn 2.000 tỷ đồng, giải ngân đến hết năm 2012; Vietcombank, VIB cũng ưu đãi lãi suất vay vốn 9%/năm cho 3 tháng đầu; OCB đang triển khai dòng sản phẩm hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp do phụ nữ quản lý với nguồn vốn ưu đãi lãi suất thấp hơn 1-1,5%/năm so với mức cho vay thông thường 15%/năm; VPBank thì triển khai loại sản phẩm với lãi suất cho vay ưu đãi giảm tối đa 2%/năm so với mức lãi suất thông thường trong 6 tháng...nhưng vẫn chưa làm gia tăng tín dụng có hiệu quả một cách rõ rệt.

Giải pháp tăng khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp?

Làm sao để giải mã được tình trạng "kẻ ăn không hết, người lần không ra" trong việc tiếp cận vốn ngân hàng? Đây là những câu hỏi rất bức xúc và cũng vô cùng khó đáp ứng trong ngắn hạn. Dù sao vẫn phải đưa ra những giải pháp khả dĩ nhất có thể được. Từ những nhận dạng và bình luận nêu trên, ngoài những giải pháp tự nó đã rõ khi phân tích nguyên nhân trì trệ, tác giả xin đề xuất một số giải pháp cụ thể sau:

Một là: Các doanh nghiệp hơn lúc nào hết cần mở rộng thị trường tiêu thụ theo nguyên tắc "buôn có bạn, bán có phường" thông qua các Hiệp hội ngành nghề để tổ chức hình thành các kênh phân phối hợp lý, có tổ chức từ sản xuất tới tiêu dùng ở tất cả các tỉnh, thành phố theo đặc thù truyền thống địa phương nhằm phát triển mạnh thị trường tiêu thụ ở trong nước và tổ chức các dòng sản phẩm ra các thị trường nước ngoài. Theo đó, Chính phủ cần chỉ đạo Bộ Công thương và các cơ quan thông tin đại chúng, các chính quyền địa phương tạo điều kiện quảng bá, giới thiệu và/hoặc cấp phép thành lập các chợ đầu mối để thu hút và chuyển tiếp sản phẩm phù hợp từng loại sản phẩm. Tất cả đều phải cụ thể hóa, không dùng khẩu hiệu yêu hàng Việt chung chung, mà là tăng tính ưu việt của hàng Việt so với hàng ngoại cả về tiện ích, giá cả và chất lượng.

Hai là: Chính phủ cần có chính sách kích cầu và coi đây là giải pháp cấp bách hiện nay. Vì trong thực tế nền kinh tế đã và đang rơi vào trạng thái trì trệ: GDP quý 1: 4%, quý 2: 4,6%, nếu muốn có GDP cả năm tăng trưởng trên 5,5% thì 2 quý cuối năm GDP đều phải tăng trên 6,5%. Lúc này kích cầu nghĩa là phải "kích" mạnh vào năng lực mua hàng hóa, dịch vụ chứ không phải "kích" mạnh vào khu vực sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ đối với những loại đã đầy ứ trong kho, mà lớn nhất hiện nay là "kho" hàng bất động sản (BDS). Giải pháp này dựa trên biểu hiện của lạm phát năm 2012 không khó kiểm soát, không phải do "nhập khẩu", cũng không có nhiều nhân tố do chi phí đẩy hay cầu kéo như một số năm trước, mà căn bản là do sức mua xã hội giảm sút. Do đó, các chính sách kích cầu cần chỉ rõ địa



hàng loạt NHTM đã tung ra những chương trình tín dụng với lãi suất giảm cực mạnh

chỉ: ví dụ: Tăng lương, giảm thuế giá trị gia tăng; giảm phí cầu đường, mua hàng tạm trữ; tiếp tục dẫn dắt thị trường giảm lãi suất cho vay, dùng các hàng rào kỹ thuật chống hàng tiêu dùng (có danh mục đích danh) nhập khẩu tràn lan, chống ngoại hối hóa phương tiện thanh toán bằng cách tăng cường chống đô la hóa, chống tín dụng ngoại tệ và tín dụng vàng, độc quyền vàng...

Ba là: Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nên làm đầu mỗi mua vốn của NHTM thừa với lãi suất bằng lãi suất tái cấp vốn (TCV) do NHNN ấn định trừ đi 1% và bán lại cho NHTM thiếu bằng hoặc xấp xỉ lãi suất TCV cùng kỳ, không cao hơn lãi suất cho vay ngoài thị trường 1, vừa phát huy vai trò quản lý Nhà nước, vừa đúng nghiệp vụ điều tiết, mua - bán cuối cùng trên thị trường 2 của NHNN, nhằm định hướng dẫn dắt thị trường tiếp tục giảm lãi suất VND ở cả thị trường 1, thị trường 2 và chống lại hiện tượng "cá lớn nuốt cá bé" ngay trong ao nhà.

Bốn là: Hiệp Hội Ngân hàng (HHNH) nên được bổ sung chức năng tổ chức thị trường mua - bán nợ lẫn nhau (nợ tốt là chính). Theo đó, HHNH có thể thành lập một Công ty mua bán nợ/hoặc Công ty môi giới mua bán nợ để làm đầu mối khai thác các khoản vốn phải thu - phải trả chưa đáo hạn của NHTM này bán cho NHTM khác để bên bán tạo được vốn tức thời ngay trước khi đáo hạn và giảm tải cho thị trường tín dụng liên ngân hàng, bên mua vừa giảm được chi phí giải ngân, vừa đóng vai trò "tiếp quản" mọi quyền lợi của khoản nợ tới ngày đáo hạn và xử lý rủi ro (nếu có) do món nợ đó để lại mà vẫn giảm được lãi suất do giảm chi phí hoạt động tín dụng...

Năm là: Nên sớm dỡ bỏ mọi qui định trần lãi suất ở thị trường 1. Còn nếu trong trường hợp bắt buộc phải sử dụng biện pháp hành chính để can thiệp lãi suất thì nên là ngắn hạn và chỉ áp "hành chính" ở lãi suất cho vay, theo hướng: NHNN ra thông tư khống chế lãi suất cho vay cao nhất ở thị trường 1 đối với mọi TCTD không được vượt quá 125% (và/hoặc 130%) so với lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn tương ứng khoản vay 1 năm, 2 và 3 năm trong đợt phát hành gần nhất so với thời điểm phát sinh tín dụng so

sánh (sao cho lãi suất tín dụng đầu ra không vượt quá tỷ lệ lạm phát kỳ vọng cộng với chi phí hoạt động cung ứng tín dụng hợp lý của TCTD và lãi suất kỳ hạn ngắn phải thấp hơn lãi suất kỳ hạn dài).

Sáu là: Nhà nước sớm có cơ chế xóa bỏ mọi hình thức sở hữu chéo giữa doanh nghiệp với ngân hàng để triệt để tôn trọng nguyên tắc "TCTD không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, TCTD khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính TCTD đó" (khoản 5 điều

129 Luật TCTD 2010), để TCTD không có cơ lách Luật bằng cách cho vay "vô tư" đối với công ty con của doanh nghiệp cổ đông và/hoặc ngân hàng "mua" trái phiếu của doanh nghiệp cổ đông để doanh nghiệp này lấy "tiền" góp vào chính ngân hàng đó để "tăng vốn điều lệ".

Bảy là: Đối với các TCTD yếu, sau mọi phương án M&A tự nguyện không thành, Nhà nước có thể cho TCTD thực hiện những phương án, kịch bản cụ thể về giải thể, sáp nhập và luôn bảo vệ người gửi và cổ đông bằng chính nguồn thanh lý TCTD đó cùng với Bảo hiểm Tiền gửi VN phải chịu trách nhiệm vào cuộc dưới sự giám sát an toàn của NHNN. Theo đó, rất cần định chế hóa cơ quan Bảo hiểm Tiền gửi hiện nay thành Công ty và cơ cấu lại cơ chế hoạt động của đơn vị này theo hướng nâng mức bảo hiểm và mở rộng các sản phẩm bảo hiểm theo mức độ rủi ro của TCTD thành viên.

Tám là: Chính phủ cần sớm có qui định thống nhất một đầu mối quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tại NHNN. Trên cơ sở đó: Cho tự do hoá việc xuất - nhập khẩu vàng với mọi TCTD có năng lực; Qui chuẩn vàng thỏi theo quốc tế (logo độc quyền SBV, đơn vị đo từ 01 đến

10kg/thỏi, vàng chất lượng cao, không nhỏ hơn 95% vàng nguyên chất) do duy nhất NHNN chỉ định đơn vị chế tác vàng thỏi mang logo SBV và sớm xoá mọi loại vàng miếng; Nên cho mở sàn vàng cho mọi thành phần đủ điều kiện tham gia kinh doanh do NHNN tổ chức, tham gia và điều tiết thông qua tín phiếu NHNN mệnh giá vàng để vừa tạo kênh triệt để chống đô la hoá, vàng hoá phương tiện thanh toán, vừa tạo kênh chuyển dịch các nguồn vốn ngoại thành nguồn vốn

nội đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

Tóm lại: trong bối cảnh nền kinh tế đang có xu hướng tri tri, trong trạng thái "thừa vốn, thừa hàng và thiếu tiền" thì, những giải pháp cấp bách để tạo khả năng hấp thụ vốn cho doanh nghiệp lúc này là: kích cầu tiêu dùng, tổ chức lại kênh phân phối trong và ngoài nước và thiết kế các chính sách quản lý thị trường

...Trong bối cảnh nền kinh tế đang có xu hướng tri tri, trong trạng thái "thừa vốn, thừa hàng và thiếu tiền" thì, những giải pháp cấp bách để tạo khả năng hấp thụ vốn cho doanh nghiệp lúc này là: kích cầu tiêu dùng, tổ chức lại kênh phân phối trong và ngoài nước và thiết kế các chính sách quản lý thị trường tài chính nói chung, thị trường tín dụng nói riêng...

tài chính nói chung, thị trường tín dụng nói riêng phải tuân theo các nguyên tắc: tôn trọng qui luật thị trường, gỡ bỏ mọi rào cản mang tính hành chính, độc quyền hóa và kiểm soát tinh minh bạch, công khai mọi cơ chế tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp và người dân. Từng bước bắt buộc mọi TCTD cổ phần phải lên sàn chứng khoán có tổ chức để tạo thêm kênh kiểm soát tinh minh bạch. Được vậy, chắc chắn sẽ tạo ra bước chuyển tích cực theo hướng ngân hàng và doanh nghiệp ngày càng hiểu biết lẫn nhau, nền kinh tế sẽ ngày càng vận động dựa vào qui luật thị trường nhờ được giải phóng khỏi những ràng buộc duy ý chí của chính sách cũng như sự thao túng/độc quyền của các quan hệ thiếu minh bạch giữa ngân hàng và doanh nghiệp bởi nhiều cản trở năng lực tiếp cận lẫn nhau như hiện nay■